

**ĐẠO CAO ĐÀI**  
**MỘT NỀN TÂN TÔN GIÁO**  
(Soạn giả: HT. Nguyễn Trung Đạo)

\*\*\*

Các tôn giáo khai mở từ thời Nhị Kỳ Phổ Độ, sau hơn hai ngàn năm truyền bá cứu độ nhơn sanh, lần lần bị người đời canh cải làm sai lạc chơn truyền, nên hầu hết đều bị Ngọc Hư Cung bế lại, người tu thì nhiều mà đắc quả thì rất ít. Như vậy cần phải có một nền tôn giáo mới để thay thế, đặng độ rỗi nhơn sanh một cách rộng rãi hơn.

Vào đầu thập niên 1920, tại nước Việt Nam nhỏ bé và nghèo khổ, Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ đã dùng huyền diệu cơ bút sáng lập một mối Đạo Đại Đồng gọi là ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, thường gọi là Đạo CAO ĐÀI, để cứu độ chúng sanh.

Mặc dầu đến ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (19-11-1926) Đạo Cao Đài mới được chính thức khai nguyên, nhưng trước đó Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng cơ để lời tiên tri rằng Đạo sắp được khai minh. Ngoài ra, theo lời Tiên Phụ của chúng tôi là *Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu* kể lại, thì trước đó trên *Bạch Ngọc Kinh* có nhiều *Chơn Linh* lớn tự nguyện giáng trần để góp công vào việc Khai Đạo hầu cứu rỗi nhơn loại. Quý vị đó trước khi giáng Trần đều có lập minh thệ trước *Tòa Tam Giáo*.

Vào khoảng đầu thập niên 1920 mầm mống đã bắt đầu nảy sanh ra do hai Nguồn Đạo khác nhau.

**Thứ Nhất** : Người được nghe hồng danh Đức Cao Đài đầu tiên là quan phủ Ngô Văn Chiêu. Đầu năm 1920, lúc còn trấn nhậm tại Tân An (trước khi đổi đi Hà Tiên), trong một đàn cơ thỉnh Tiên, Ngài Ngô Văn Chiêu được một Đấng Thiêng Liêng giáng điện xưng tên là **Cao Đài Tiên Ông** dạy Đạo. Từ khi ra trấn nhậm ở Phú Quốc, Ngài Ngô Văn Chiêu được Đức Cao Đài tiếp tục dạy đạo. Một hôm, Tiên Ông giáng cơ dạy Ngài phải lo tu và **ăn chay thêm cho đủ 10 ngày một tháng**. Trong khi Ngài Ngô còn đang phân vân thì vào đêm mùng 1 Tết Tân Dậu (8-2-1921), trong lúc Ngài Ngô chứng đàn tại Quan Âm Tự để cầu Tiên, chưa kịp bạch hỏi điều chi thì Tiên Ông đã điểm danh và ban lệnh :

“ **Chiêu, tam niên trường trai** ”

Kể từ mùng 1 Tết Tân Dậu (8-2-1921), Ngài Ngô Văn Chiêu khởi sự trường trai và học đạo cùng Tiên Ông. Và cũng từ mùng 1 Tết Tân Dậu, **Ngài Ngô trở thành người đệ tử đầu tiên của Đấng Cao Đài Thượng Đế**.

Cũng vào năm 1921, Ngài Ngô được tiếp nhận 2 lần ánh sáng huyền diệu đầy hào quang từ một Con Mắt chiếu thẳng vào Ngài. Con Mắt ấy được gọi là **Thiên Nhân**, là biểu tượng của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế. Sau đó, theo lệnh của Đức Cao Đài, Ngài Ngô đem tất cả tấm lòng thành kính để họa **Thiên Nhân** mà thờ. Tiên Ông cho phép Ngài Ngô gọi Tiên Ông bằng **Thầy**, và xưng danh hiệu là “**Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**”.

Giữa năm Giáp Tý (1924), Ngài Ngô được lệnh chuyển về làm việc ở Sài Gòn, và sống kín đáo giữa

chốn phồn hoa đô hội, hằng ngày đi làm việc ở dinh Thống Đốc Nam Kỳ.

**Thứ Nhì** : Cũng vào đầu thập niên 1920, ở miền Nam Việt Nam có phong trào xây bàn, cầu cơ, tiếp chuyện với các vong linh để họa thi, vịnh phú, hoặc lập đàn thỉnh Tiên để xin thuốc chữa bệnh.

Vào tháng Sáu năm Ất Sửu (5-6 Ất Sửu, 25-7-1925), do gợi ý của Ngài Cao Quỳnh Cư, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang và vài vị nữa trong gia đình, bắt đầu tập **Xây Bàn theo kiểu Thần Linh Học ở Âu Châu**, tại nhà Ngài Cao Hoài Sang.

Đêm 10-6 Ất Sửu (30-7-1925), có một Chơn Linh nữ giáng điển, xưng danh là Đoàn Ngọc Quế và cho một bài thơ tự thuật rất hay. Qua đêm 12-6 Ất Sửu (1-8-1925), Chơn Linh cô Đoàn Ngọc Quế tiếp tục giáng điển, chuyện vãn một hồi rồi 3 Ngài xin kết nghĩa anh em với Cô. Cô bằng lòng và kính:

- Ngài Cao Quỳnh Cư làm Trưởng Ca,
- Ngài Phạm Công Tắc làm Nhị Ca,
- Ngài Cao Hoài Sang làm Tam Ca.

Phần Cô Đoàn làm Tứ Muội (Em gái thứ tư).

Về sau, các Ngài được biết rằng Cô Đoàn Ngọc Quế chính là *Nữ Tiên Thất Nương ở Cung Diêu Trì*, có nhiệm vụ dùng văn chương thi phú để dẫn dắt các Ngài vào đường Đạo.

Sau Chơn Linh Cô Đoàn Ngọc Quế, có nhiều Chơn Linh khác cũng giáng điển cho thơ, và góp phần hướng dẫn các Ngài lần lần vào con đường Đạo, như là Bát Nương DTC, Lục Nương DTC, Đại Thi Hào Lý Thái Bạch, v.v....

Đặc biệt có một **Đấng Thiêng Liêng** xưng danh là **A,Ă,Â** cho nhiều bài thơ hay và dạy Đạo.

Đến thượng tuần tháng 8 âm lịch (cuối tháng 9-1925), Thất Nương chỉ các Ngài cách sử dụng **Ngọc Cơ**. Đêm Rằm tháng 8 âm lịch năm Ất Sửu (1925), các Ngài tụ lại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư ở đường Bourdais Saigon, nay là đường Calmette, để làm tiệc tiếp rước **Cửu Thiên Nương Nương** tức **Đức PHẬT MẪU** và **Cửu vị Tiên Nương**. Qua việc Xây Bàn và Cầu Cơ, quý vị Tiên Khai được Ôn Trên ban nhiều huyền diệu thấy rõ. Khi các Ngài vững tin vào cơ bút và thế giới vô hình, Thiêng Liêng mới từ từ chuyển việc xưng họa thi phú qua khai cơ lập Đạo. Ngày 27-10 Ất Sửu (12-12-1925), Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (Đức Phật Mẫu) giảng dạy rằng :

*“Mùng 1 này, tam vị Đạo Hữu Vọng Thiên Cầu Đạo”.*

Vâng theo lời dạy của Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (tức Đức PHẬT MẪU) và của Đức AĂÂ, đêm Mùng 1-11 Ất Sửu, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang ăn mặc chỉnh tề, áo dài khăn đen, ra quì giữa sân trước nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, mỗi vị cầm 9 cây nhang nguyện rằng : *“Ba tôi Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ ban ơn đũ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh”* trước sự chứng kiến của đông đảo khách qua đường.

**Sau đêm Vọng Thiên Cầu Đạo**, để củng cố đức tin và đạo tâm cho ba Ngài, Đức Thượng Đế cho các Đấng thường xuyên giảng dạy. *Từ đây ý tứ trong các bài Thánh Giáo luôn luôn hướng về khuyến tu*, giúp cho các Ngài thấm nhuần đạo lý. Tình đạo càng nồng sẽ khiến

cho men đời càng phai lạt.

**Đêm Giáng Sinh 24-12-1925** (9-1 Ất Sửu), trong khi các giáo đường rộn rịp đón mừng Lễ, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang lặng lẽ họp nhau tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để lập đàn cầu cơ. Thất Nương giáng cơ truyền ba Ngài phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy, ba Ngài nửa mừng nửa sợ, lật đặt sấm đủ hương đăng trà quả, chỉnh đàn cho có nghi tiết, đoạn hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc mới ngồi lại chấp cơ. Cơ giáng như vậy :

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI  
TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT  
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,  
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.  
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,  
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

*Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà đặng thấy đệ tử kính mến Ta như vậy... ”.*

Tuy nhiên, đến ngày cuối năm dương lịch 31-12-1925 (16-11-Ất Sửu) thì các Ngài mới được biết AẢẢ là một tá danh của Đức Cao Đài Thượng Đế.

***Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.***

# ĐẠO CAO ĐÀI

## SỰ HÌNH THÀNH CƠ ĐẠO

\*\*\*

Đã là đệ tử của Đấng Cao Đài Ngọc Đế, gọi Đức Ngài bằng Thầy và xưng là Con, các Ngài *Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang,...* muốn lập tran thờ Đức Ngài, nhưng chưa biết phải thờ ra sao ...

Trong đàn cơ ngày 7-12 Ất Sửu (20-1-1926), Đức Thượng Đế dạy các Ngài phải đến gặp ông Phủ *Ngô Văn Chiêu* để được chỉ cách thờ Thầy. Khi các Ngài đến nhà Ngài Ngô thì được Ngài đón tiếp niềm nở. Ngài hướng dẫn cách thức thờ Thiên Nhân mà Đức THƯỢNG ĐẾ đã cho Ngài được thấy vào năm 1921. Kế đó quý vị lập đàn cầu Đức CHÍ TÔN. Đức Chí Tôn giáng cơ dạy các Ngài *Trung, Tắc, Cư, Sang, Đức, Hậu,...* phải hiệp với Ông Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Đức Ngài lại dạy rằng mỗi mỗi việc chi đều phải do Ngài *Ngô là Anh Cả*. Nhờ cơ bút hướng dẫn, hai nhóm môn đệ của Đức THƯỢNG ĐẾ được gặp gỡ nhau trong tình huynh đệ vô cùng thân mật, tay bắt mặt mừng, còn hơn anh em ruột thịt cùng chung một nhà. Số Đồng Đạo bây giờ gồm có 13 vị Môn Đồ đầu tiên là :

- |                    |                      |
|--------------------|----------------------|
| 1. Ngô Văn Chiêu   | 8. Cao Quỳnh Cư      |
| 2. Vương Quan Kỳ   | 9. Phạm Công Tắc     |
| 3. Đoàn Văn Bản    | 10. Cao Hoài Sang    |
| 4. Lê Văn Giảng    | 11. Lê Văn Trung     |
| 5. Nguyễn Văn Hoài | 12. Trương Hữu Đức   |
| 6. Lý Trọng Quý    | 13. Nguyễn Trung Hậu |
| 7. Võ Văn Sang     |                      |

Mọi việc đang tiến hành tốt đẹp trong niềm hân

hoan của toàn thể quý vị Tiền Khai, thì một điều không hay xảy đến cho Cơ Đạo : Ngài Ngô Minh Chiêu không muốn truyền bá mối Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu “*Ngô thân bất độ, hà thân độ*” mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra để lo bề tự giác kể từ ngày 13 tháng 3 năm Bính Dần (dl 24-4-1926).

Thật là một mất mát rất lớn lao cho Nền Đạo đang trong lúc phôi thai !

Sau khi Ngài Ngô Minh Chiêu tách riêng ra để ở nhà lo bề tự giác, Ngài Lê Văn Trung và các vị Tiền Khai khác vẫn vâng theo Thánh Ý lo thiết đàn giảng Đạo.

**Vào đêm Rằm tháng 3 Bính Dần (26-4-1926)**, quý vị Tiền Khai tề tựu đông đủ tại tư gia Ngài Lê Văn Trung để tham dự **Lễ Thiên Phong Chức Sắc Đầu Tiên**.

Trong buổi lễ này, Đức Chí Tôn nhập thân vào xác phàm của *Ngài Cao Quỳnh Cư*, chấp bút nhang trần thân các bộ Thiên Phục và những Chiếc Ngai..., chấp bút nhang *làm phép trục xuất Chơn Thần của Ngài Phạm Công Tắc để cho Chơn Thần của Đức Phật Vi Hộ Pháp nhập vào xác của Ngài*. Sau đó là phân minh thệ của chư vị Chức Sắc Tiền Khai.

Kể từ sau buổi lễ ấy, Chơn Linh Vi Đà Hộ Pháp (tức Phật Hộ Pháp) giáng ngự nơi thân thể Ngài Phạm Công Tắc. Xin nhắc lại là trong bài Kinh Đại Tường có câu :

*Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,  
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.*

\* Sau khi độ thêm được nhiều nhân vật có địa vị trong xã hội như Đốc Phủ, Tri Huyện, Thông Phán, Cai

Tổng, Công Chức, Giáo Viên, Thương Gia, Yết Ma,... Đức THƯỢNG ĐẾ mới bắt tay vào Đạo Sự chánh là phổ độ Nhơn Sanh : ra lệnh cho tổ chức một số **Đàn Cơ Phổ Độ** để Đức THƯỢNG ĐẾ giáo Đạo và trực tiếp thân nhận Tín Đồ trong đại chúng. Sau đây là một số Đàn Cơ thường xuyên hoạt động : Đàn Hàng Dừa, Đàn Chợ Lớn, Đàn Cầu Kho, Đàn Tân Kim, Đàn Lộc Giang, Đàn Tân Định , Đàn Thủ Đức. Có một Đàn Chuyên Trị Bệnh tại nhà ông Trần Văn Tạ.

Đức Chí Tôn ban cho ông Trần Văn Tạ phép huyền diệu để cứu chữa bệnh nhơn, nhứt là để giải bệnh tà. Ông Tạ nguyên trước kia là một nhân viên mật thám của Pháp được giao nhiệm vụ trà trộn theo dõi các hoạt động tại Đàn Cầu Kho, nhưng ông được Đức Chí Tôn gọi tên, độ dẫn nên trở thành một Tín Đồ trung kiên của Đạo.

Ngoài các đàn lệ thường xuyên hoạt động được kể trên, quý vị Tiên Khai còn có thiết lập thêm các đàn không thường xuyên ở nhiều chỗ khác để giúp vào việc phổ thông **Thiên Đạo**, như là : *Đàn Vĩnh Nguyên Tự, Đàn Long Thành Tự, Đàn Giồng Ông Tố, Đàn Hội Phước Tự, ...*

\* Đến tháng 8 Bính Dần (tháng 9-1926), số đồng đạo qui tụ đã được khá đông, lên đến cả ngàn. Lúc bấy giờ, Ngài Lê Văn Trung đã là *Đầu Sư Thượng Trung Nhứt*, sau khi lấy ý kiến chung và được mọi người nhất trí, mới kính bạch lên Đức Chí Tôn xin cho công khai hóa hoạt động truyền Đạo. Đức Chí Tôn dạy hai Ngài *Đầu Sư Thượng Trung Nhứt* và *Ngọc Lịch Nguyệt* phải họp các huynh đệ lại để thảo luận thật kỹ về bản văn Khai



Đạo, sau đó dâng lên cho *Đức Chí Tôn* duyệt trước khi gửi cho chánh quyền Pháp.

\* **Đêm 23-8 Bính Dần** ( 29-9-1926), 247 bốn đạo tề tựu tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, hẻm số 237 đường Gallieni, Sài gòn (nay là đường Trần Hưng Đạo) để lập Tờ Khai Đạo. Buổi chiều hôm ấy, đột nhiên trời đổ mưa rất lớn, kéo dài khoảng 3 tiếng đồng hồ, làm ngập đường sá, giao thông bị bế tắc. Nhờ điều kiện thời tiết trợ giúp mà buổi họp không bị lính mật thám Pháp quấy rầy, và cũng đồng thời loại được những người hiếu kỳ chỉ muốn đến xem cho vui. Sau khi Đại Hội thống nhất nội dung Tờ Khai Đạo, Ngài Lê Văn Trung chịu trách nhiệm soạn ra văn bản bằng tiếng Pháp để gửi lên chánh quyền Pháp. Đại hội kết thúc vào khảng 9 giờ tối, và lúc đó trời cũng bắt đầu tạnh mưa. Đồng đạo lần lượt bình an ra về, như đã được *Ông Trên* hộ trì.

\* **Ngày 1-9 Bính Dần** (7-10-1926), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật tuân lệnh *Đức CHÍ TÔN*, đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp tờ Khai Đạo với 28 chữ ký cho ông Thống Đốc Le Fol. Đây là Bản Tuyên Ngôn chánh thức về việc thành lập Đạo Cao Đài, ông Thống Đốc vui vẻ tiếp nhận văn kiện nhưng không cam kết công nhận chánh thức mỗi Đạo.

**Tờ Khai Đạo** không phải là *Đơn Xin Phép Khai Đạo*, mà là *Bản Tuyên Ngôn Chánh Thức* của một số Tín Đồ Cao Đài, khai báo cho nhà cầm quyền Pháp biết là có một số người đứng ra thành lập một nền tôn giáo mới. Sau khi Ngài *Lê Văn Trung* đã nạp Tờ Khai Đạo cho chánh quyền Pháp, các vị Tiên Khai mới sắp xếp phân ra thành **Ba Nhóm Đi Truyền Đạo** ở các tỉnh. Kết quả

cuộc phổ độ này rất khả quan : chỉ có một tháng mà độ được cả vạn người nhập môn cầu Đạo (1vạn = 10 000).

\* Công việc quan trọng kế tiếp là chuẩn bị làm Lễ Khai Minh Đại Đạo trước Nhơn Sanh. Đức CHỈ TÔN ra lệnh cho các Chức Sắc tạm ngưng công cuộc truyền đạo ở Lục Tỉnh kể từ ngày 10-10 Bính Dần để về chung lo cho ngày **Đại Lễ Khai Đạo** vào **Rằm Hạ Nguyên** năm Bính Dần (19-11-1926).

Có thể nói, hầu hết những chi tiết của Ngày Đại Lễ, từ hình thức đến nội dung, nghi thức trong ngoài, từ số lượng Đồng Nhi Lễ Sĩ đến việc tiếp rước quan khách, xuất nhập thu chi ... tất cả đều do Ôn Trên giáng cơ chỉ dạy từng chi tiết.

\* **Ngày 15-10 Bính Dần (19-11-1926)** : Lễ Khai Đạo được tổ chức rất long trọng tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh. Lễ Khai Đạo được dự kiến trong vòng 3 ngày, nhưng vì nhơn sanh khắp nơi vẫn tiếp tục kéo về xin bái lễ và Nhập Môn Cầu Đạo quá đông nên buổi lễ phải kéo dài đến khoảng 3 tháng.

Mặc dầu gặp rất nhiều trở ngại trên bước đường phát triển Đạo, quý vị Tiên Khai luôn luôn nắm vững đức tin tiến bước đến mục tiêu mà Thượng Đế đã đề ra : **KHAI MỞ ĐẠO TRỜI ĐỂ CỨU RỒI NHƠN SANH**. Rốt cuộc sau 4 năm hiện hữu, Đạo Cao Đài đã có được hơn nửa triệu Tín Đồ.

***Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.***

# Tìm Hiểu Ý Nghĩa TỪ NGỮ CAO ĐÀI

\*\*\*

Từ ngữ Cao Đài thường được dùng để chỉ một Tôn Giáo, ví dụ : Đạo Cao Đài, hay một Đấng Giáo Chủ, ví dụ : Đấng Cao Đài.

Các tôn giáo khai mở từ thời Nhị Kỳ Phổ Độ, sau mấy ngàn năm truyền bá cứu độ nhơn sanh, lần lần bị người đời canh cải làm sai lạc chơn truyền, nên phần lớn các tôn giáo ấy đều bị Ngọc Hư Cung bế lại, người tu thì nhiều mà đắc quả rất ít. Như vậy cần phải có một nền tôn giáo mới để thay thế, đặng độ rỗi nhơn sanh.

## 1.- KHAI MỞ NỀN ĐẠO MỚI

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn có dạy :

*“Thần là kiếm khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập ‘Tam Kỳ Phổ Độ’ này duy THẦY cho **Thần** hiệp ‘**Tinh Khí**’ đặng hiệp đủ ‘Tam Bửu’ là cơ mầu nhiệm siêu phàm nhập Thánh. Các con nhớ nói vì cơ nào thờ con mắt cho chơn đạo hữu nghe.*

*... Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật từ ngày Đạo bị bế, thì luật lệ hời còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên Đình mỗi phen đánh tẩn ‘Thần’ không cho hiệp cùng ‘Tinh Khí’. THẦY đến đặng huần nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo. Con hiểu ‘Thần cư tại Nhãn’ ... ”*  
(TNHT.I.11 – in 1972).

Nhơn loại than van : *“Các nền tôn giáo thuở trước đã bị Ngọc Hư Cung, chiếu theo Thiên Điều, bế lại hết, ... Đức*

*Chí Tôn lại không cho khai đạo mới thì nhơn sanh biết đường đâu mà tu hành... ”. Bởi đó, Đức Chí Tôn mở lòng đại từ bi lần thứ ba, cho khai mở một nền Đạo Mới.*

Vào đầu thập niên 1920, tại nước Việt Nam nhỏ bé và nghèo khổ vì chịu sự đô hộ quá lâu dài của nước Trung Hoa rồi của nước Pháp, Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ đã dùng huyền diệu cơ bút sáng lập một mối Đạo Đại Đồng gọi là ĐẠİ ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ, thường gọi là Đạo CAO ĐÀI, để độ rỗi chúng sanh.

Chọn Tây Ninh làm Thánh Địa, Đạo Cao Đài có chủ thuyết “*Vạn Giáo Nhất Lý*” nghĩa là mọi tôn giáo đều có cùng một nguyên lý, tin tưởng rằng tất cả các tôn giáo chỉ là những hình thức khác nhau của cùng một Chơn Lý, mọi tôn giáo đều có cùng một nguồn gốc do Đức Thượng Đế tạo nên, có cùng một Giáo Lý dựa trên “*Lòng Bác Ái và sự Công Bình*”.

## **2.- NGHE HỒNG DANH CAO ĐÀI**

Đầu năm 1920 (4-2-1920), lúc còn trấn nhậm tại Tân An (trước khi đổi đi Hà Tiên), trong một đàn cơ thỉnh Tiên, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu được một Đấng Thiêng Liêng giáng cơ xưng tên là **CAO ĐÀI TIÊN ÔNG** dạy Đạo.

Tại Sài Gòn, vào đêm 30-10 Ất Sửu (15-12-1925), Đức AẤẤ lâm đàn, dạy ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang là đêm mai mùng 1-11 Ất Sửu (16-12-25) hãy tắm gội cho tinh khiết, rồi ra quì giữa trời để vọng bái Đức Cao Đài Thượng Đế mà Cầu Đạo. Đây là lần đầu tiên, ba Ngài nghe được hồng danh **CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ**.

### 3.- Ý NGHĨA CỦA TỪ NGỮ CAO ĐÀI

Từ ngữ Cao Đài thường được gặp với hai hình thức :

-Thứ nhất, để chỉ một Tôn Giáo, ví dụ : Đạo Cao Đài, Cao Đài Đại Đạo,

-Thứ nhì , để chỉ một Đấng Giáo Chủ, ví dụ : Đấng Cao Đài, Cao Đài Thượng Đế.

*\* Cao Đài là cái đài cao nơi Linh Tiêu Điện trong Ngọc Hư Cung, ở Tầng Trời Hư Vô Thiên nơi cõi thiêng liêng, là tòa ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mỗi khi họp Đại Hội Thiên Triều.*

Vào năm 1972, trong một đàn cơ tại Cần Thơ, Đức Chí Tôn đã giải thích hai chữ Cao Đài bằng bài thơ tứ tuyệt sau đây :

*Linh Tiêu nhất tháp thị Cao Đài,  
Đại Hội quần Tiên thử ngọc giai.  
Vạn trượng hào quang từng thử xuất,  
Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.*

Tạm dịch :

*Nơi Điện Linh Tiêu có một cái tháp gọi là Cao Đài,  
Đại Hội các vị Tiên nhóm trước bệ ngọc ấy.  
Hào quang muôn trượng từ đó chiếu ra,  
Tên xưa của cảnh quý báu đó là “Lạc Thiên Thai”.*

\* Đạo Cao Đài được chính thức khai nguyên ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (19-11-1926). Từ xưa đến nay, cứ mỗi lần Đức Thượng Đế khai mở một mối Đạo mới thì Đức Ngài dùng một Danh Xưng mới, ví dụ như : Thái Thượng Nguơn Thủy, Thích Ca Mâu Ni, Gia Tô Giáo

*Chủ,...* Ngày 7-4-1926, Đức Thượng Đế cho biết Danh Xưng của Đức Ngài trong thời Tam Kỳ Phổ Độ qua bài Thánh Giáo sau đây :

*Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,  
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,  
Thái Thượng Nguơn Thử thị Ngã,  
Gia Tô Giáo Chủ thị Ngã  
Kim viết CAO ĐÀI.*

(Trích từ Phổ Cáo Chúng Sanh)

Nghĩa là : Nhiên Đăng Cổ Phật là Ta,  
Thích Ca Mâu Ni Phật là Ta,  
Thái Thượng Nguơn Thử là Ta,  
Gia Tô Giáo Chủ là Ta,  
Nay gọi là Đấng CAO ĐÀI.

Như vậy, Danh Xưng của Đức Thượng Đế trong thời Tam Kỳ Phổ Độ là Đấng CAO ĐÀI.

Khai Đạo tại Việt Nam vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đã dùng hai chữ Cao Đài, là **Tòa Ngự của Ngài**, để làm *danh xưng cho Ngài* và *cho mỗi Đạo Mới*. Như vậy :

- Danh xưng mới của Đức Thượng Đế là **Đức Cao Đài**,

- Tên mỗi Đạo Mới là **Đạo Cao Đài** hay **Đại Đạo TKPD**.

#### **4.- CÂU ĐỐI VỀ ĐẠO CAO ĐÀI**

\* Hai câu đối sau đây là hai câu đối tiêu biểu cho Đạo Cao Đài, được chạm khắc nơi các cổng tam quan đi vào Nội Ô Tòa Thánh, và nơi cổng chánh của các Thánh Thất :

C.1 : **Cao** thượng Chí Tôn, Đại Đạo hòa bình dân chủ mục.

C.2 : **Đài** tiên sùng bái, Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.

Hai Câu Đối này khởi đầu bằng hai chữ CAO ĐÀI, là do Đức Lý Đại Tiên Trưởng giảng cơ ban cho. Tạm dịch :

- Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ở trên cao hơn hết, mở ra nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức Đạo Cao Đài nhằm tới hòa bình và dân chủ.

- Kính phục tôn thờ Đấng Cao Đài tức Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ như sanh cùng chung hưởng quyền tự do.

\* Hai câu đối sau đây được in ngoài bìa của một quyển kinh Minh Sư bên Trung Hoa, xuất hiện vào khoảng cuối đời nhà Minh và đầu nhà Thanh bên Tàu, về sau mới được truyền sang Việt Nam, nội dung như sau :

C.1 : **Cao** như Bắc Khuyết nhân chiêm ngưỡng,

C.2 : **Đài** tại Nam Phương Đạo thống truyền.

Hai Câu Đối này cũng khởi đầu bằng hai chữ CAO ĐÀI, tiên tri cho biết rằng Đạo Cao Đài sẽ xuất hiện tại phương Nam của nước Trung Hoa tức tại nước Việt Nam, và qui hiệp tất cả các tôn giáo khác. Tạm dịch như sau :

- Cao như Huỳnh Kim Khuyết ở hướng Bắc, như sanh đều chiêm ngưỡng.

- Cái Đài cao tại Việt Nam tượng trưng một nền Đạo lớn sẽ thống quản tất cả và truyền bá khắp nơi.

**Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**

## Tìm Hiểu Ý Nghĩa TỪ NGỮ TAM KỲ PHỔ ĐỘ

\*\*\*

Từ hơn 6.000 năm nay, Đức Thượng Đế đã 3 lần cho truyền Đạo xuống trần thế để phổ độ nhơn sanh, kỳ phổ độ lần thứ ba, gọi là Tam Kỳ Phổ Độ, cách nay khoảng 90 năm.

*Tam Kỳ Phổ Độ là lần thứ ba Đức THƯỢNG ĐẾ mở Đạo để **tận độ nhơn sanh**. Nền Đại Đạo được Đức CHỈ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ khai mở vào thời Tam Kỳ Phổ Độ có tên là **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**, thường gọi là **Đạo Cao Đài**.*

Trong bài Thánh Giáo ngày 8-4-1926, Đức Thượng Đế giải về ý nghĩa của từ ngữ “*Tam Kỳ Phổ Độ*” như sau :

*“Tam Kỳ Phổ Độ là gì ?*

*Là phổ độ lần thứ ba.*

*Sao gọi là phổ độ. Phổ độ nghĩa là gì ?*

*Phổ là bày ra. Độ là cứu chúng sanh.*

*Chúng sanh là gì ?*

*Chúng sanh là toàn cả nhơn loại chớ không phải lựa chọn một phần người như ý phàm các con tính rồi.*

*Muốn trọn hai chữ Phổ Độ phải làm thế nào? Thầy hỏi?*

*Phải bày Bửu Pháp chớ không dặng giấu nữa...*

*Nghe và tuân theo ”. (TNHT.I.13 – in năm 1972)*

Gần cuối Hạ Nguơn, tiến bộ văn minh vật chất đạt đến mức cao điểm, đồng thời các giá trị tinh thần bị xem



nhẹ. Trình độ tiến hóa về trí thức của nhơn sanh cũng rất cao.

Mặt khác, trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, các Đấng giáng trần lập nhiều tôn giáo khác nhau ở những địa phương khác nhau, vì lúc đó phương tiện giao thông và truyền thông chưa được tiến bộ. Cũng do có nhiều tôn giáo mà lắm khi có sự hiểu lầm giữa những người theo tôn giáo này và những người theo tôn giáo kia. Người đời còn quá mê lầm, nên mới có người ở tôn giáo này thường bài xích tôn giáo khác, và tự cho tôn giáo mình là chánh, tôn giáo kia là tà, gây nên nhiều hiềm khích chia rẽ, để rồi đưa đến nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc đau thương. Hiện nay vẫn còn đang diễn ra trên thế giới những cuộc chiến tranh về tôn giáo. Lại nữa, các tôn giáo khai mở từ thời Nhị Kỳ Phổ Độ, sau mấy ngàn năm truyền bá cứu độ nhơn sanh, lần lần bị người đời canh cải làm sai lạc chơn truyền, nên tất cả các tôn giáo ấy đều bị Ngọc Hư Cung bế lại, người tu thì nhiều mà vì lầm lạc nên đắc quả rất ít. Chính **Đức Thích Ca Như Lai** cũng dạy như sau :

*“ Chư Sơn nghe dạy : Vốn từ Lục Tổ thì Phật Giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành ; Chánh Pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất Chánh Giáo, lập riêng pháp luật buộc mỗi Đạo Thiên... Chư tăng, chư chúng sanh hữu căn, hữu kiếp, đặng gặp kỳ **Phổ Độ** này là lần chót, phải ráng sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trong giả luật. Chư Sơn đắc đạo cùng chăng là do nơi mình hành đạo ..., Chư Sơn chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào ; cứ ôm theo luật Thần Tú, thì đương mong mỏi về Tây Phương mà cửa Tây Phương vẫn cứ bị đóng... ”*  
(TNHT.I.19&20 - in 1972).

Như vậy, vào cuối Hạ Nguơn này, cần phải có một nền tôn giáo mới để thay thế, đặng độ rỗi nhưn sanh. Vì lý do nêu trên mà ngày nay Đức THƯỢNG ĐẾ mở một mối Đạo Mới, và chỉ mở một mối đạo duy nhất mà thôi.

**Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển** (ngày 24-4-1926), Đức CHỈ TÔN có dạy :

“ Vốn từ trước THẦY lập ra Ngũ chi Đại Đạo là :

*Nhơn Đạo,  
Thần Đạo,  
Thánh Đạo,  
Tiên Đạo,  
Phật Đạo.*

*Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì nhưn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.*

*Còn nay thì nhưn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều đạo ấy mà nhưn loại nghịch lẫn nhau ; nên THẦY mới nhất định qui nguyên phục nhất. Lại nữa trước THẦY giao Chánh Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra Phàm Giáo. THẦY lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A-Tỳ.*

*THẦY nhất định đến chính mình THẦY độ rỗi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa”* (TNHT.I.16).

**CHÚ THÍCH :**

*Càn vô đức khán : Không thể thấy hết được Trời.*

*Khôn vô đắc duyệt* : Không xem xét hết được mặt đất.

*Càn Khôn dĩ tận thức* : Con người đã biết rõ tất cả sự vật trong khắp Càn Khôn Vũ Trụ.

Trong các kỳ Khai Đạo ở hai lần trước, Đức CHÍ TÔN chiết Chơn Linh giáng trần để mở Đạo, như bài Thánh Giáo tại Vĩnh Nguyên Tự ngày 7-4-1926 đã cho biết :

*Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,  
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,  
Thái Thượng Nguơn Thử thị ngã,  
Gia Tô Giáo Chủ thị Ngã,  
Kim viết CAO ĐÀI.*

(Trích trong Phổ Cáo Chúng Sanh)

Nghĩa là : Nhiên Đăng Cổ Phật là Ta,  
Thích Ca Mâu Ni Phật là Ta,  
Thái Thượng Nguơn Thử là Ta,  
Gia Tô Giáo Chủ là Ta,  
Nay gọi là Đấng CAO ĐÀI.

Nay trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN chỉ dùng huyền diệu cơ bút để mở Đạo. Ngài *nhứt định đến chính mình Ngài độ rồi chúng sanh, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm như trước nữa.*

Trong Nhị Kỳ Phổ Độ :

- Giáo Chủ của Đạo Phật là Đức Phật Thích Ca,
- Giáo Chủ của Đạo Tiên là Đức Lão Tử,
- Giáo Chủ của Đạo Nho là Đức Khổng Tử.

Nay trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, để tránh sự chia rẽ giữa các Tôn Giáo, Đức Chí Tôn hiệp cả 3 Tam Giáo

trên lại thành một nền Đại Đạo, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, do chính Đức Chí Tôn làm Giáo Chủ.

**Tóm lại :**

**\*Trong Nhứt Kỳ Phổ Độ :**

- *Đức Nhiên Đấng Cổ Phật* làm giáo chủ Phật Giáo,
- *Đức Thái Thượng Đạo Tổ* làm giáo chủ Tiên Giáo,
- *Đức Văn Tuyên Đế Quân* làm giáo chủ Nho Giáo.

**\*Trong Nhị Kỳ Phổ Độ :**

- *Đức Phật Thích Ca* chấn hưng Phật Giáo,
- *Đức Lão Tử* chấn hưng Tiên Giáo,
- *Đức Khổng Tử* chấn hưng Nho Giáo.

**\*Trong Tam Kỳ Phổ Độ :**

Đức Chí Tôn làm Giáo Chủ Đạo Cao Đài. Đức Ngài Phân công cho Ba Đấng Tam Trấn Oai Nghiêm trực tiếp điều hành Cơ Đạo về mặt vô vi :

- *Đức Lý Đại Tiên Trưởng* cầm quyền Tiên Giáo,
- *Đức Phật Bà Quan Âm* cầm quyền Phật Giáo,
- *Đức Quan Thánh Đế Quân* cầm quyền Nho Giáo.

Về phần hữu vi, Đạo Cao Đài được chuởng quản bởi HỘI THÁNH gồm có quý vị Chức Sắc Thiên Phong, do chính Đức CHÍ TÔN hoặc *Đức Lý Đại Tiên Trưởng* thay mặt Đức CHÍ TÔN giáng cơ ban phẩm. Ban phẩm cho những Chức Sắc Thiên Phong, Đức CHÍ TÔN căn cứ trên nguyên căn của Chơn Linh mỗi vị khi lãnh lĩnh Ngọc Hư Cung đầu kiếp xuống trần.

***Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.***

# Ý NGHĨA THỜ THIÊN NHÃN

\*\*\*

Từ xưa đến nay, các tôn giáo thường tạc tượng hoặc vẽ hình Đấng Giáo Chủ để thờ. Riêng Đạo Cao Đài thì thờ Đấng Giáo Chủ của mình là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế bằng biểu tượng Thiên Nhân.

## \* Nguồn Gốc Thiên Nhân

Vào năm 1921, ở Phú Quốc, Ngài Ngô Minh Chiêu được Đức Cao Đài nhận làm người Đệ Tử Đầu Tiên. Trong khi Ngài Ngô chưa tìm được một biểu tượng để thờ Đức Cao Đài, thì Ngài được Đức Cao Đài cho thấy Thiên Nhân hai lần. Sau đó đó Đức Cao Đài dạy Ngài vẽ Thánh Tượng Thiên Nhân để thờ.

Vào năm 1926, các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang,... được Đức Chí Tôn dạy phải đến gặp Ngài Ngô Minh Chiêu, ở Sài Gòn, để được chỉ cách thờ phượng Đức Chí Tôn.

Nhờ cơ bút hướng dẫn, hai nhóm môn đệ của Đức THƯỢNG ĐẾ được gặp gỡ nhau trong tình huynh đệ vô cùng thân mật, tay bắt mặt mừng, còn hơn anh em ruột thịt cùng chung một nhà. Ngài Ngô đem hết kinh nghiệm của bậc đàn anh đi trước hướng dẫn cách sắp đặt Thiên Bàn, và nhất là truyền lại bức Thánh Tượng Thiên Nhân.

## \* Tại Sao Thờ Thiên Nhân

*Thiên là Trời, Nhân là con mắt.*

*Thiên Nhân là Mặt Trời, tượng trưng cho Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.*

1.- *Vậy thờ Thiên Nhân tức là thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.*

2.- Đức Thượng Đế không có giáng sanh xuống cõi trần, nên không ai biết được Đức Ngài có hình thể ra sao, vì vậy mà Đạo Cao Đài thờ Đức Ngài bằng biểu tượng Thiên Nhân.

3.- Trước ngày Khai Đạo, chính Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy Quý vị Tiên Khai là hãy vẽ con mắt Trái để làm biểu tượng thờ Đức Ngài.

4.- Thiên Nhân là biểu tượng cho Đức Thượng Đế toàn năng, toàn tri, mọi việc lành điều ác của muôn loài vạn vật đều biết và thấy rõ, như lời dạy của câu kinh sau đây “*Càn kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến*”.

5.- Có thờ Thiên Nhân trong nhà, gia đình thấy được yên tâm, đặc biệt là về mặt tâm linh, vì tin tưởng rằng trong nhà lúc nào cũng có Đức Thượng Đế soi xét và hộ trì.

Trong dân gian có câu “*Trời cao có Mắt*”, có nghĩa là cái gì Mặt Trời cũng thấy rõ hết, dầu giấu giếm kín đáo đến đâu cũng không thể che được con Mắt thiêng liêng của Trời.

6.- Thờ Thiên Nhân có tính cách Hòa Đồng hơn thờ bằng hình tượng hoặc hình vẽ, vì vẽ hình Con Mắt để thờ tránh được ý nghĩa phân biệt chủng tộc. Vả lại, Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ của toàn thể nhơn loại chớ đâu phải riêng của một sắc dân nào. Dạy thờ Thiên Nhân, Đức Chí Tôn muốn cho nhơn loại không còn phân biệt nhau về quốc gia dân tộc, mà nhìn nhau đều là con chung của

Đức Đại Từ Phụ và Đức Đại Từ Mẫu.

Dân tộc Việt Nam được diễm phúc lãnh sứ mạng của Thượng Đế để thực hiện tính Hòa Đồng trên toàn thế giới.

**\*Ngoài ra, một số tài liệu nước ngoài** cũng có xác nhận quyền năng của Đức Thượng Đế qua biểu tượng Thiên Nhân.

- Quyển Catéchisme Album của Thiên Chúa Giáo do nhà xuất bản Saint Joseph ở Paris phát hành có in hình Thiên Nhân nơi trang đầu tiên với lời chú thích, xin trích một đoạn đại ý như sau :

*“ Thiên Nhân này nhắc cho chúng ta nhớ rằng Thượng Đế là Đấng Toàn Tri, Ngài biết và thấy tất cả ”.*

- Trong cái triện bên trái ở mặt sau của tờ giấy bạc một Đô La Mỹ có vẽ **Con Mắt Trái** trên chóp Kim Tự Tháp. Tài liệu này của Bộ Ngân Khố Hoa Kỳ, dựa theo lời giải thích của ông William Barton là người đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế cái triện, nói đại ý như sau :

*“ Các nhà lập quốc Hoa Kỳ tin tưởng chắc chắn sự tiến bộ của chúng ta nhất định luôn luôn được sự phò trợ của Thượng Đế ”.*

\* Trong bài Thuyết Đạo ngày 23-7-38 về chủ đề “Tại Sao Thờ Thiên Nhân”, Đức Hộ Pháp có dạy như sau :

*“ Mọi nhà thờ Thiên Nhân, sùng bái hằng ngày đặng xét mình, coi các điều tội lỗi. Thoảng như trong tâm giục khởi làm việc chi bất bình thì sợ có quyền năng của*

Trời răn phạt. Nên thờ Thiên Nhân là một phương mâu nhiệm cho người biết tòng Thiên Lý.

Kỳ Hạ Nguơn nầy, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Đạo, không có chơn linh giáng sanh nguyên hình như các vị Giáo Chủ trước. Nếu thờ phượng riêng biệt một vị Giáo Chủ như buổi trước thì không đủ thống nhất đặng tín ngưỡng của nhơn sanh trong toàn cầu thế giới. Cho nên thờ Thiên Nhân là cơ quan hiệp cả Chơn Thần của toàn vạn linh và hiệp Tam Bửu **Tinh, Khí, Thần** vi nhất. Ấy là cơ mâu nhiệm siêu phàm nhập Thánh... ”.

### \* Ý Nghĩa Việc Thờ Thiên Nhân

Ýnghĩa thờ Thiên Nhân được Đức Chí Tôn dạy trong đàn cơ ngày 25-2-1926 , in trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 11 (in năm 1972). Đức Chí Tôn dạy như sau :

“ Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng ‘Con Mắt’ mà thờ THẦY, song THẦY nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.

*Nhãn thị chủ tâm,  
Lưỡng quang chủ tế,  
Quang thị Thần,  
Thần thị Thiên,  
Thiên giả Ngã giả.*

Thần là khiếm khuyết của cơ mâu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập ‘Tam Kỳ Phổ Độ’ nầy duy THẦY cho **Thần** hiệp ‘**Tinh Khí**’ đặng hiệp đủ ‘Tam Bửu’ là cơ mâu nhiệm siêu phàm nhập Thánh... THẦY đến đặng hườn nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo. Con hiểu ‘Thần cư tại Nhân’ ... ”.



Có thể tạm hiểu một cách đơn giản lời dạy trên của Đức Chí Tôn như sau :

- *Mắt là chủ cái Tâm.*
- *Hai nguồn sáng (Âm và Dương) là chúa tể.*
- *Ánh sáng là Thần.*
- *Thần là Thượng Đế.*
- *Thượng Đế ấy là Ta vậy.*

***Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.***



Thầy nói cho các con biết nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. (TNHT.I.80&81 – in năm 1972).

## **TÔN CHỈ ĐẠO CAO ĐÀI**

\*\*\*

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, là một nền Tân Tôn Giáo đã được Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ dùng huyền diệu cơ bút sáng lập tại Việt Nam vào ngày **Rằm tháng Mười năm Bính Dần**, dương lịch 19-11-1926, tại tỉnh Tây Ninh.

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài được ghi rõ ở phần đầu của bài Sớ Văn Thượng Tấu, nội dung như sau :

***“ Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt***

”

Tam Giáo gồm có : Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo.

Ngũ Chi gồm có : Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.

Chữ NGUYÊN có nghĩa là gốc, chữ NHỨT có nghĩa là một, nhưng cả hai chữ đều chỉ Đức Thượng Đế, vì Ngài là gốc của các nền tôn giáo, và là một ngôi Thái Cực tuyệt đối.

- *Tam Giáo qui nguyên* là ba nền tôn giáo đều trở về một gốc. Cái gốc đó là chơn lý tuyệt đối hằng hữu, tức là Đức Thượng Đế.

- *Ngũ Chi phục nhứt* là năm nhánh Đạo trở lại thành một. Một đó là Đại Đạo, mà một đó cũng là Thái Cực, tức Đức Thượng Đế.

Nói Tam Giáo qui nguyên là nói trong phạm vi Á Đông, nơi mà ba nền Tôn Giáo (Nho, Thích, Lão) được mở ra để giáo hóa nhơn sanh trong vùng này.

Nói Ngũ Chi phục nhứt là nói trên toàn thể thế giới, gồm tất cả các Tôn Giáo trong đó có Tam Giáo.

**Tóm lại :** Câu *Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt* có nghĩa là 3 nền Tôn Giáo (Nho, Thích, Lão) ở vùng Á Đông và 5 nhánh Đạo (Phật, Tiên, Thánh, Thần, Nhơn) ở toàn thế giới đều qui về một Gốc là Đức Thượng Đế.

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài cũng đã được Quý vị Tiền Khai nói lên trong **Tờ Khai Đạo** gửi cho Nhà Cẩm Quyền Pháp trước ngày làm Lễ Khai Đạo, nội dung tóm lược như sau.

Vốn từ trước, ở Việt Nam có ba Tôn Giáo là *Thích Giáo, Lão Giáo và Khổng Giáo* (tức Phật Giáo, Tiên

Giáo và Nho Giáo). Tiên Nhơn chúng ta sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ do theo tôn chỉ quý báu của các vị Chưởng Giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi câu “ *Gia vô bế hộ, lộ bất thập di* ” chỉ nghĩa là con người thuở ấy an nhàn cho đến ban đêm ngủ không cần đóng cửa nhà, còn ngoài đường thấy của rơi không ai lượm.

Nhưng buồn thay cho đời thái bình phải mất vì mấy duyên cớ sau đây :

1. Những người tu hành đều phân chia ra nhiều phe, nhiều phái mà kích bác lẫn nhau, chớ tôn chỉ của Tam Giáo đều như một, là làm lành lánh dữ và kính thờ Đấng Tạo Hóa,

2. Lại canh cãi mỗi chánh truyền của các Đạo ấy làm cho thất chơn truyền,

3. Những dư luận phản đối nhau về Tôn Giáo mà ta thấy hằng ngày cũng tại bả vinh hoa và lòng tham lam của nhơn loại mà ra. Nên chi người Việt Nam bấy giờ đều bỏ hết những tục lệ tận thiện, tận mỹ ngày xưa.

Thấy tình thế như vậy mà đau lòng, cho nên nhiều người Việt Nam vì căn bản, vì tôn giáo, đã tìm phương thế hiệp Tam Giáo lại làm một (quy nguyên phục nhất) gọi là Đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

May thay cho chúng sanh, Thiên tòng nhơn nguyện, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng đàn dạy Đạo và hiệp Tam Giáo lập ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ tại cõi Nam nầy. Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại Ân Xá lần thứ ba. Những lời của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy chúng ta đều cốt để truyền bá tôn chỉ Tôn Giáo.

Đạo Cao Đài dạy cho biết :

- Luân lý cao thượng của Đức Khổng Tử,  
- Đạo đức của Phật Giáo và Tiên Giáo là làm lành, lánh dữ, thương yêu nhơn loại, cư xử thuận hòa mà lánh cuộc ly loạn giặc giã.

Vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ, cách nay khoảng 2500 năm, ba Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo là :

-*Đức Khổng Tử* : Giáo Chủ của Đạo Nho,

-*Đức Phật Thích Ca* : Giáo Chủ của Đạo Phật.

-*Đức Lão Tử* : Giáo Chủ của Đạo Tiên tức Lão Giáo.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, cách nay khoảng 90 năm, để tránh sự chia rẽ giữa các Tôn Giáo, Đức Thượng Đế hiệp cả 3 Tam Giáo trên lại thành một nền Đại Đạo, lấy tên là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, do chính Đức Thượng Đế làm Giáo Chủ. Đức Thượng Đế giao cho Đức Phật Mẫu đảm đương công việc này, do vậy mà trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh có câu :

*Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch,*

*Qui thiên lương quyết sách vạn trù.*

*Xuân Thu, Phát Chủ, Bát Vu,*

*Hiệp qui Tam Giáo hữu cầu chí chơn.*

**Tam hiệp :** Đức Phật Mẫu đem cái thiên tánh tốt đẹp của con người trở về với con người, rồi hiệp các chủng tộc của nhơn loại thành một nhà, cùng chung một tín ngưỡng, một Đạo, không phân biệt quốc gia dân tộc, Lấy biểu hiệu của Tôn Giáo, như *Kinh Xuân Thu* của Đạo Nho, *Cây Phát Chủ* của Đạo Tiên, *Bình Bát Vu* của Đạo Phật, Đức Phật Mẫu hiệp cả ba Tam Giáo lại thành một nền Đại Đạo (tức là Qui Nguyên Tam Giáo) để tìm cho ra chơn pháp.

**Do vậy mà Giáo Lý** của Đạo Cao Đài là sự tổng hợp có sáng tạo của tinh hoa giáo lý *Tam Giáo* và *Ngũ Chi* đã có từ xưa, hiệp với *Thánh Giáo* ngày nay của ĐỨC CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ lập thành một nền **Tân Giáo Lý**, dung hợp tất cả Giáo Lý khác, tạo thành một nền Tôn Giáo Đại Đồng, gồm đủ các phương diện của một nền Đại Đạo chơn chánh.

Người ta tìm thấy trong giáo lý của Đạo Cao Đài có một ít giáo lý của các tôn giáo khác, như là :

- *Của Phật Giáo*, thì có : Ngũ Giới cấm, Giới Luật ăn chay, Thuyết Luân Hồi, về hình thức thì có dùng chuông mõ để tụng kinh,...

- *Của Tiên Giáo*, thì có : luyện Tam Bửu Tinh-Khí-Thần, về hình thức thì có dùng cơ bút để thông công với các Đấng Thiêng Liêng,...

- *Của Nho Giáo*, thì có : Tam cương, Ngũ thường, Tam tòng, Tứ đức, thờ cúng Ông Bà, về hình thức thì có Lễ Sĩ để dâng phẩm vật lên các Đấng Thiêng Liêng,...

- *Của Thiên Chúa Giáo*, thì có : tôn thờ Đức Thượng Đế, cách tổ chức Giáo Hội từ trung ương đến địa phương, về hình thức thì có dùng nhạc trong Thánh Đường,...

Noài ra, Đức Thượng Đế còn giáng cơ ban cho Đạo Cao Đài một số đặc ân trong Đại Ân Xá Kỳ Ba như là : *Giáo Lý về Vũ Trụ Quan và Nhơn Sinh Quan, những Bí Tích về Phép Giải Oan và Phép Độ Hồn, những Bài Kinh Tận Độ Vong Linh*, v.v... Và đặc biệt, đối với Đạo Cao Đài : Khi cúng thì từ Tín Đồ cho đến Chức Sắc, tất cả đều mặc Đạo Phục theo phẩm trật của mình.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, chính ĐỨC NGỌC

HOÀNG THƯỢNG ĐẾ đứng làm Giáo Chủ Đạo Cao Đài, nhưng Ngài giao quyền chưởng quản Cơ Đạo về mặt vô vi cho ba Đấng Thiêng Liêng gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm, gồm có :

-*Nhứt Trấn Oai Nghiêm là Đức Lý Đại Tiên Trưởng, cầm quyền Tiên Giáo,*

-*Nhị Trấn Oai Nghiêm là Đức Phật Bà Quan Âm, cầm quyền Phật Giáo,*

-*Tam Trấn Oai Nghiêm là Đức Quan Thánh Đế Quân, cầm quyền Nho Giáo.*

***Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.***

## **Ý Nghĩa Huyền Diệu CÂU CHÚ CỦA THẦY**

\*\*\*

Ngày 25-2-1926, Đức Chí Tôn dạy Ngài Lê Văn Trung cách niệm Danh Thầy như sau :

*“ Trung vô giữa bái lễ cho Thầy coi ...*

*Con làm lễ trúng, song mỗi gật, con nhớ niệm câu chú của Thầy : NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT ”.*

(TNHT.I.10 – in năm 1972)

### **1.- CÂU CHÚ CỦA THẦY**

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng cơ dạy đạo, xưng là THẦY, gọi tín đồ Cao Đài là Các Con.

Niệm Danh Đức Chí Tôn là đọc lên Câu Chú của THẦY. Câu Chú của THẦY là câu niệm huyền bí do

THẦY dạy cho các môn đệ để hộ trì trên bước đường tu học trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Câu Chú của THẦY gồm có 12 từ (số 12 là số riêng của THẦY) :

<b>Na m</b>	<b>M ô</b>	<b>Ca o</b>	<b>Đ ài</b>	<b>Tiê n</b>	<b>Ôn g</b>	<b>Đ ại</b>	<b>B ồ</b>	<b>T át</b>	<b>M a</b>	<b>H a</b>	<b>T át</b>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	12

Câu Chú của THẦY có ý nghĩa bao gồm Tam Giáo :

- Cao Đài tượng trưng cho **Nho Giáo**,
- Tiên Ông tượng trưng cho **Tiên Giáo**,
- Đại Bồ Tát Ma Ha Tát tượng trưng cho **Phật**

**Giáo.**

*Nam mô* : tiếng khởi đầu cho những câu cầu nguyện, còn có nghĩa là chí tâm thành kính hướng trọn về Ông Trên.

*Cao Đài* : Là cái đài cao nơi Linh Tiêu Điện trong Ngọc Hư Cung nơi tầng Trời Hư Vô Thiên, là tòa ngự của Đức Chí Tôn khi họp Thiên Triều của Đức Ngài. Do đó, chữ Cao Đài tượng trưng phẩm trật nơi triều đình, là chủ trương của *Nho Giáo*.

*Tiên Ông* tượng trưng cho *Tiên Giáo*,

*Bồ Tát* tượng trưng cho *Phật Giáo*. Bồ Tát là bậc tự giác, cần đi phổ độ chúng sanh để lập công quả đặng tiến lên phẩm vị Phật. Muốn đạt phẩm vị Phật thì trước đó phải đắc quả Bồ Tát.

**Đại Bồ Tát Ma Ha Tát** : là vị Phật cao siêu nhưng còn nhiệm vụ cứu độ nhơn sanh nên còn mang danh hiệu Bồ Tát.

Chúng ta thấy Đức Chí Tôn rất là khiêm tốn. Đức Ngài chỉ dùng từ *Tiên Ông* và *Bồ Tát*, là “*hai phẩm chót của Tiên và Phật*”. Trước ngày Khai Đạo, Đức Chí Tôn tá danh là A, Ẫ, Ầ để dẫn dắt các Vị Tiên Khai vào đường Đạo. Đức Ngài dạy Quý Vị Tiên Khai :

“ *Bấy lâu Thầy vẫn tá danh A, Ẫ, Ầ là cốt để dìu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây, các con phải giúp Thầy mà khai Đạo. Các con có thấy Thầy khiêm nhượng là dường nào chưa ? Các con nên bắt chước Thầy trong mấy mún thì mới xứng đáng là người đạo đức* ” (Thánh Ngôn Sư Tập của Đức Nguyên – Q1, bài 11 – Nhâm Ngọ).

“*Các con nghe.*”

*Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình dặng độ rồi nhơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng ; còn Thầy thì khiêm nhượng là thế nào ? Vì vậy mà nhiều kẻ Môn đệ cho Thầy là nhỏ ... Cười ...* ” (TNHT.I.37 – in 1972).

## **2.- Ý NGHĨA HUYỀN DIỆU CỦA CÂU CHÚ**

Câu Chú của THẦY có tác dụng rất huyền diệu : Một người dù trong kiếp sống đã gây nhiều tội lỗi mà trước khi chết biết ăn năn thành tâm Niệm Danh Đức Chí Tôn thì cũng được Đức Chí tôn đến cứu, Đức Chí Tôn đem Bí Pháp giải thoát đến ban cho để được siêu thoát.



\* Trong Quyển “*Lời Phê của Đức Hộ Pháp*” (trang 112-113) có ghi : Đạo Núi Trần Ngọc Dương bịnh nặng làm tở yêu cầu Đức Hộ Pháp xá tội cho hết căn bịnh chướng. Đức Hộ Pháp phê như sau :

“ *Đức CHÍ TÔN là Đại Từ Phụ khi đến độ Bản Đạo, Bản Đạo có hỏi về phương tận độ các vong linh nhân loại thì có nói quả quyết như vậy*” :

“ *Dầu cho có kẻ nào phạm tội dấy dấy trên mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũngặng siêu thoát ... Dương gắng nhớ và trông cậy nơi Đại Từ Phụ vì Dương đã biết ăn năn sám hối*”.

Bản Đạo ban ân lành cho Dương.

Ngày 16 tháng 6 năm Ất Mùi (dl : 3-8-1955)

**HỘ PHÁP (Ấn Ký)**

\* Trước đó, vào ngày 11-3-1949 (12-2 Kỷ Sửu), trong Quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, trang 130-131, bản in tại Hoa Kỳ, Đức Hộ Pháp cũng đã dạy tương tự như trên :

“ *Hỏi thử tội tình của chúng ta đã làm trong kiếp sanh, Đức Chí Tôn để trong phương pháp nói rằng : Tội tình các con dấy dấy nơi mặt địa cầu này, mà đến giờ chót các con biết kêu Danh THẦY thì THẦY đến cứu, THẦY đem Bí Pháp giải thoát để trong tay các con đặng các con đoạt chọn pháp giải thoát đó vậy.*

Kêu Danh THẦY là niệm :

*Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát ”.*

### 3.- KẾT LUẬN

Theo lời dạy của Đức Chí Tôn thì : ***Dầu cho có kẻ nào phạm tội dấy đầy trên mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Thấy thì cũngặng siêu thoát.*** Như vậy, nếu một Tín Đồ Cao Đài giữ tròn Luật Đạo mà tới giờ chót biết niệm Danh Thầy thì phần chắc là sẽ được siêu thoát, tức là thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Theo những lời dạy trên của Đức CHÍ TÔN và của Đức Hộ Pháp, chúng tôi xin góp ý với Quý vị Chức Việc Bàn Trị Sự : Trước khi tụng Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối, Bàn Trị Sự nên hướng dẫn người bịnh niệm Danh THẦY. Điều này Hội Thánh không có dạy, nhưng không có gì là sai trái. Vả lại, chúng ta chỉ làm theo lời dạy của Đức CHÍ TÔN là :

- “*Đến giờ chót các con biết kêu Danh THẦY thì THẦY đến cứu*”,

- “*Khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũngặng siêu thoát*”.

Bên Phật giáo cũng có câu dạy tượng tự : “ Khi hấp hối nếu đệ tử biết thành tâm niệm *Lục Tự Di Đà* (Tức : *Nam Mô A Di Đà Phật*), thì cũng được Đức Thế Tôn độ rỗi ”.

*Hằng ngày chúng ta niệm Danh THẦY và các Đấng không biết bao nhiêu lần. Sao chỉ niệm Danh THẦY lúc gần tắt hơi mới được hưởng phép siêu thoát ?*

Theo thiển ý, lúc gần chết, mọi điển lực của con người tập trung vào một nơi nào đó trong cơ thể, và lúc đó điển lực đạt một độ mạnh đủ để hòa hợp với điển lực

của Đức Chí Tôn làm động lòng từ bi của Đức Chí Tôn, và nhờ thế mà được THẦY đến cứu rỗi.

LỜI DẠY CỦA ĐỨC CHÍ TÔN :

*- Nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng. (TNHT, Q1, trg61 – in năm 1972).*

*- Gặp Tam Kỳ Phổ Độ này mà không tu, thì không còn trông mong siêu rỗi (TNHT.I.18 – in năm 1972).*

**Siêu thoát** là vượt ra khỏi vòng ràng buộc của cõi trần, tức là thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

